



Số/No:
383/KQ-ML/2026-2426

Ngày/Date: 19/6/2026
Trang: 1/2

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên mẫu/Name of sample: Mẫu nước thải
2. Số lượng mẫu/Quantity of sample: 01
3. Ký hiệu mẫu/Mark of sample: NT1
4. Đơn vị lấy mẫu/Sampling units: Trung tâm Quan trắc và Quản lý hạ tầng nông nghiệp và môi trường
5. Ngày lấy mẫu/Observed date: 12/6/2026
6. Ngày thử nghiệm/Date of testing: 12/6/2026 – 19/6/2026
7. Tình trạng mẫu/Sample status: Mẫu được bảo quản theo quy định
8. Khách hàng/Client: Cảng Hàng Không Chu Lai – CN Tổng Công ty Cảng Hàng Không Việt Nam-CTCP
9. Địa chỉ/Address: Xã Núi Thành, thành phố Đà Nẵng
10. Kết quả thử nghiệm (Test results):

TT (No)	Thông số (Parameters)	Đơn vị tính (Unit)	Phương pháp thử (Test methods)	Kết quả (Test results)	QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B; K=1)
				NT1	
1	pH	-	TCVN 6492:2011	6,0	5-9
2	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/L	HD.HT.43	295	1.000
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	TCVN 6625:2000	9,3	100
4	BOD ₅ (20°C)	mg/L	TCVN 6001-1:2021	15,2	50
5	Amoni (tính theo N)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	6,0	10
6	Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N)	mg/L	US EPA Method 352.1	19,4	50
7	Photphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P)	mg/L	TCVN 6202:2008	2,49	10
8	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/L	TCVN 6622-1:2009	0,054 (<LOQ)	10
9	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/L	TCVN 6637:2000	KPH (<0,02)	4
10	Dầu mỡ động, thực vật	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	KPH (<1,0)	20
11	Tổng Coliforms	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2023	2,3.10 ³	5.000

1. Kết quả trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu thử.
2. Không được trích sao Phiếu kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Quan trắc và Quản lý hạ tầng NN&MT
3. Trong vòng 07 ngày sau khi trả kết quả, nếu khách hàng không có khiếu nại gì TTQTQLHT sẽ tiến hành hủy mẫu
(*) Thông số được công nhận ISO/IEC 17025:2017 (VILAS 222)
(**) Thông số do nhà thầu phụ thực hiện

TTQT.QT07.BM05 * 24/4/2026



Ghi chú:

- NT1: Mẫu nước thải đầu ra sau hệ thống xử lý nước thải của Cảng hàng không Chu Lai, tọa độ VN2000 X(m) = 1704322, Y(m) = 602062;
- KPH: Không phát hiện;
- LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp phân tích ($LOQ_{\text{Tổng các CHDBM}} = 0,10 \text{ mg/L}$);
- QCVN 14:2008/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Nước thải sinh hoạt (áp dụng cột B, với K=1).

**PHÒNG QUAN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG PHỤ TRÁCH**

Phan Thị Tuyết

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Văn Thanh

1. Kết quả trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu thử.
 2. Không được trích sao Phiếu kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Quan trắc và Quản lý hạ tầng NN&MT
 3. Trong vòng 07 ngày sau khi trả kết quả, nếu khách hàng không có khiếu nại gì TTQTQLHT sẽ tiến hành hủy mẫu
- (*) Thông số được công nhận ISO/IEC 17025:2017 (VILAS 222)
(**) Thông số đo nhà thầu phụ thực hiện

TTQT.QT07.BM05 * 24/4/2026